

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18-6-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Sóng

Bà Nguyễn Thị Lan Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 4, xã H, huyện T, thành phố H; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn C, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn 4, xã H, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 01 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Vũ Văn C vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố H vào ngày 28 tháng 4 năm 2005. Sau khi

kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau tại thôn 4, xã H, huyện T, thành phố H. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Vũ Văn C nghiện ma túy, chị và bố mẹ anh Vũ Văn C đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh Vũ Văn C vẫn không từ bỏ được ma túy. Tháng 5 năm 2016 anh Vũ Văn C đã đi cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm Giáo dục Lao động xã hội Hải Phòng tại xã G, huyện T, thành phố H với thời hạn là 21 tháng. Ngày 13 tháng 01 năm 2018 anh Vũ Văn C đã chấp hành xong thời hạn cai nghiện trở về gia đình nhưng anh Vũ Văn C không từ bỏ được ma túy mà vẫn tiếp tục sử dụng ma túy, sau khi sử dụng ma túy anh Vũ Văn C còn đánh chị. Nay chị Nguyễn Thị T khẳng định cảm vợ chồng giữa chị và anh Vũ Văn C không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh Vũ Văn C.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T trình bày vợ chồng có 02 con chung tên Vũ Minh N, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2005 và Vũ Việt A, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2011. Trường hợp vợ chồng chị ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết để chị được trực tiếp nuôi cả hai con vì anh Vũ Văn C nghiện ma túy và không có việc làm ổn định. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh Vũ Văn C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Vũ Văn C vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 19 tháng 3 năm 2018 anh Vũ Văn C trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T năm 2005 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố H vào ngày 28 tháng 4 năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh tại thôn 4, xã H, huyện T, thành phố H. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bản thân anh mãi chơi mắc vào tệ nạn ma túy dẫn đến trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh cãi nhau. Do nghiện ma túy nên tháng 5 năm 2016 anh đã đi cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy Gia Minh tại xã G, huyện T, thành phố H với thời hạn là 21 tháng. Ngày 13 tháng 01 năm 2018 anh đã cai nghiện ma túy xong trở về gia đình, sau khi trở về gia đình vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn càng tăng hơn. Mâu thuẫn vợ chồng anh đã được gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Nay chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn anh, quan điểm của anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con.

Nếu chị Nguyễn Thị T kiên quyết xin ly hôn anh thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Anh Vũ Văn C trình bày vợ chồng có 02 con chung tên Vũ Minh N, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2005 và Vũ Việt A, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2011. Trường hợp vợ chồng anh ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết để cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay anh đang ở nhà, không lao động nên không có điều kiện nuôi con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để anh và chị Nguyễn Thị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Vũ Văn C trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Vũ Văn C chưa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Vũ Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T và bị đơn là anh Vũ Văn C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố H vào ngày 28 tháng 4 năm 2005 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn C chung sống hoà thuận đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Vũ Văn C nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Nay chị Nguyễn Thị T khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh Vũ Văn C. Anh Vũ Văn C mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con, nếu chị Nguyễn Thị T kiên quyết xin ly hôn anh thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị T. Tài liệu xác minh thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn C do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mặt khác anh Vũ Văn C nghiện ma túy, chị Nguyễn Thị T và gia đình đã khuyên giải anh Vũ Văn C nhiều lần và anh Vũ Văn C đi cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm giáo dục Lao động xã hội Hải Phòng tại xã G, huyện T, thành phố H nhưng anh Vũ Văn C không từ bỏ được ma túy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn C đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Như vậy thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh Vũ Văn C mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng Tòa án triệu tập họp lệ anh Vũ Văn C đến phiên hòa giải, phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Vũ Văn C vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện anh Vũ Văn C không mong muốn hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ mà chỉ nhằm mục đích gây khó khăn cho chị Nguyễn Thị T. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T về việc xin ly hôn anh Vũ Văn C, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Văn C.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn C có 02 con chung tên Vũ Minh N, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2005 và Vũ Việt A, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2011. Trường hợp ly hôn, chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, anh Vũ Văn C đồng ý để cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi hai con chung vì hiện nay anh không có công việc ổn định. Mặt khác 02 con chung tên Vũ Minh N và Vũ Việt A đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là chị Nguyễn Thị T. Vì vậy căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, giao 02 con chung tên Vũ Minh N, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2005 và Vũ Việt A, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn C thống nhất để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn C thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Văn C.
2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Vũ Minh N, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2005 và Vũ Việt A, sinh ngày 14 tháng 5 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn C thống nhất để hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008759 ngày 06 tháng 02 năm 2018

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã H, huyện T, TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền

